

| | | | |
|---------------------------|-------------------|--------------|---------------|
| Ngày 31/03/2024 | 23,900 VNĐ | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | -1.6% | -4.8% | -23.0% |

| | |
|------------|--------------------------|
| 2023 | |
| ROE | 6.3% |
| | +/- YoY ▲ 5.6% |

| | | |
|-----------------|--|--|
| Q1/24 | | |
| DT thuần | 1,313 | |
| tỷ VNĐ | | |
| | QoQ ▲ 1,136 ▲ 642% | YoY ▲ 1,124 ▲ 595% |

| | |
|-----------------|---|
| 2023 | |
| DT thuần | 3,891 |
| tỷ VNĐ | |
| | YoY ▼ 2,298 ▼ 37.1% |

| | | |
|---------------|--------------------------------------|--------------------------------------|
| Q1/24 | | |
| LN gộp | 441 | |
| tỷ VNĐ | | |
| | QoQ ▲ 383 ▲ 656% | YoY ▲ 397 ▲ 898% |

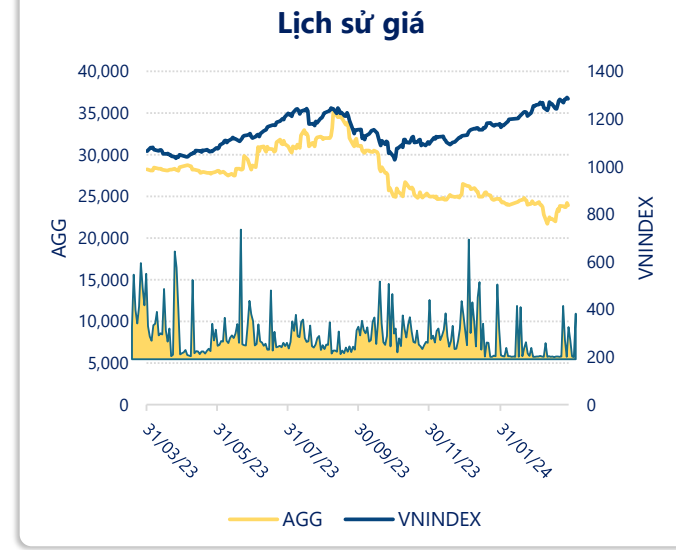
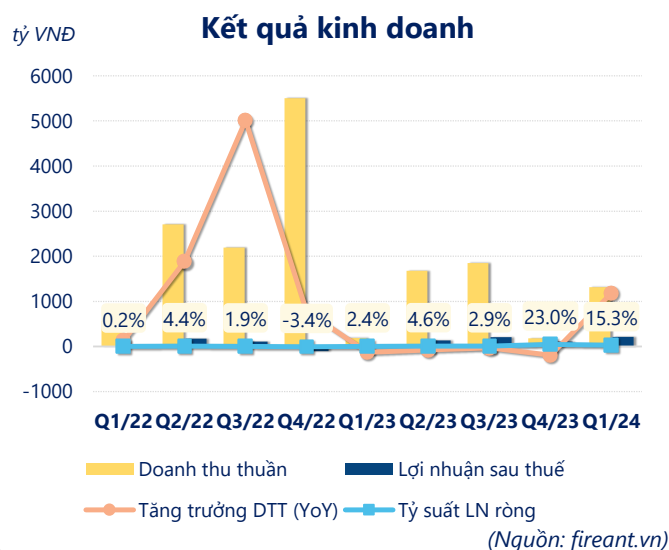
| | |
|---------------|---------------------------------------|
| 2023 | |
| LN gộp | 977 |
| tỷ VNĐ | |
| | YoY ▼ 70.0 ▼ 6.7% |

| | | |
|-----------------|--------------------------------------|---------------------------------------|
| Q1/24 | | |
| LN thuần | 304 | |
| tỷ VNĐ | | |
| | QoQ ▲ 256 ▲ 527% | YoY ▲ 279 ▲ 1126% |

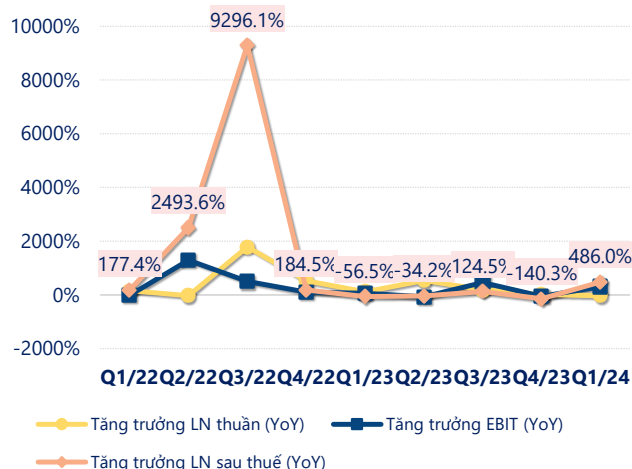
| | |
|-----------------|--------------------------------------|
| 2023 | |
| LN thuần | 501 |
| tỷ VNĐ | |
| | YoY ▲ 293 ▲ 141% |

| | | |
|--------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|
| Q1/24 | | |
| LN sau thuế | 214 | |
| tỷ VNĐ | | |
| | QoQ ▲ 105 ▲ 96.5% | YoY ▲ 202 ▲ 1641% |

| | |
|--------------------|--------------------------------------|
| 2023 | |
| LN sau thuế | 460 |
| tỷ VNĐ | |
| | YoY ▲ 363 ▲ 377% |

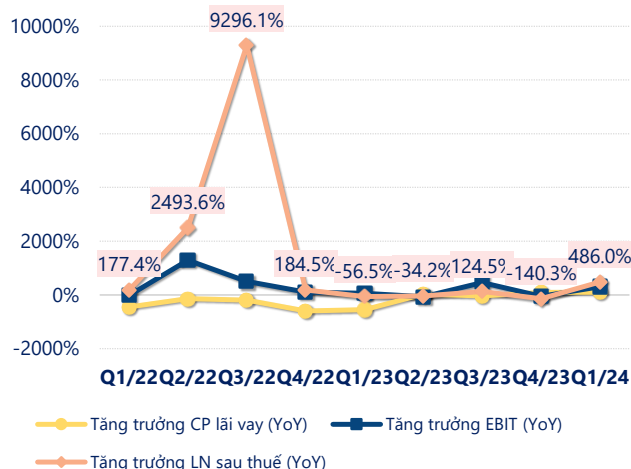


Tăng trưởng lợi nhuận



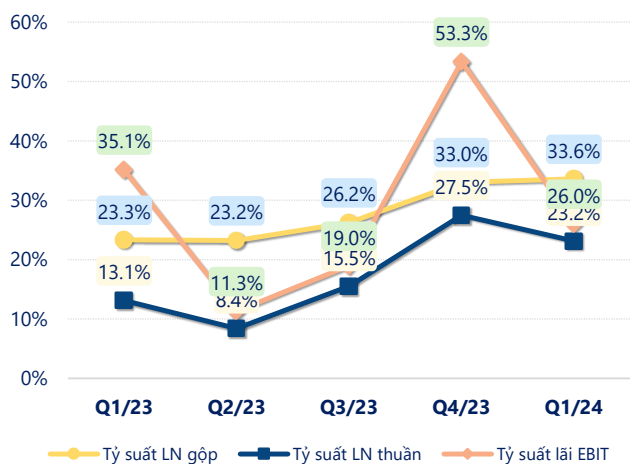
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



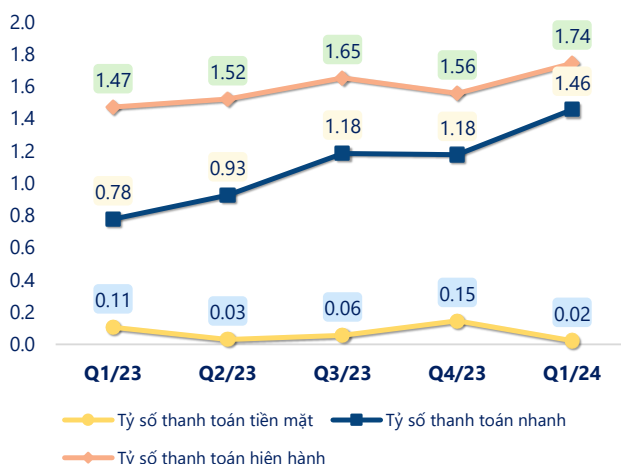
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



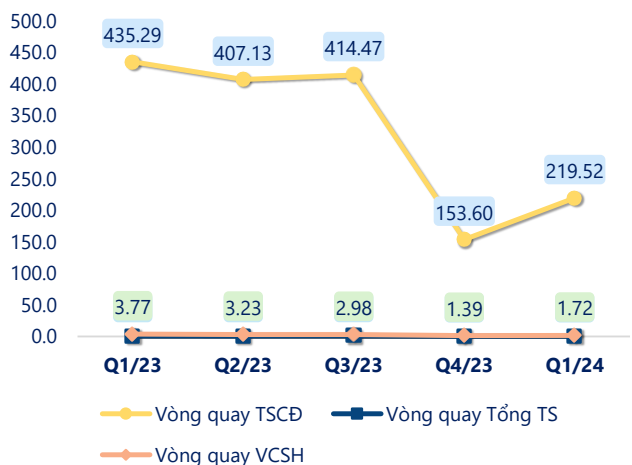
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



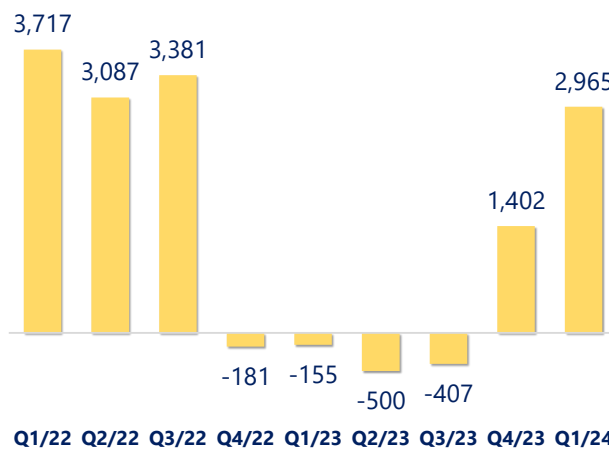
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

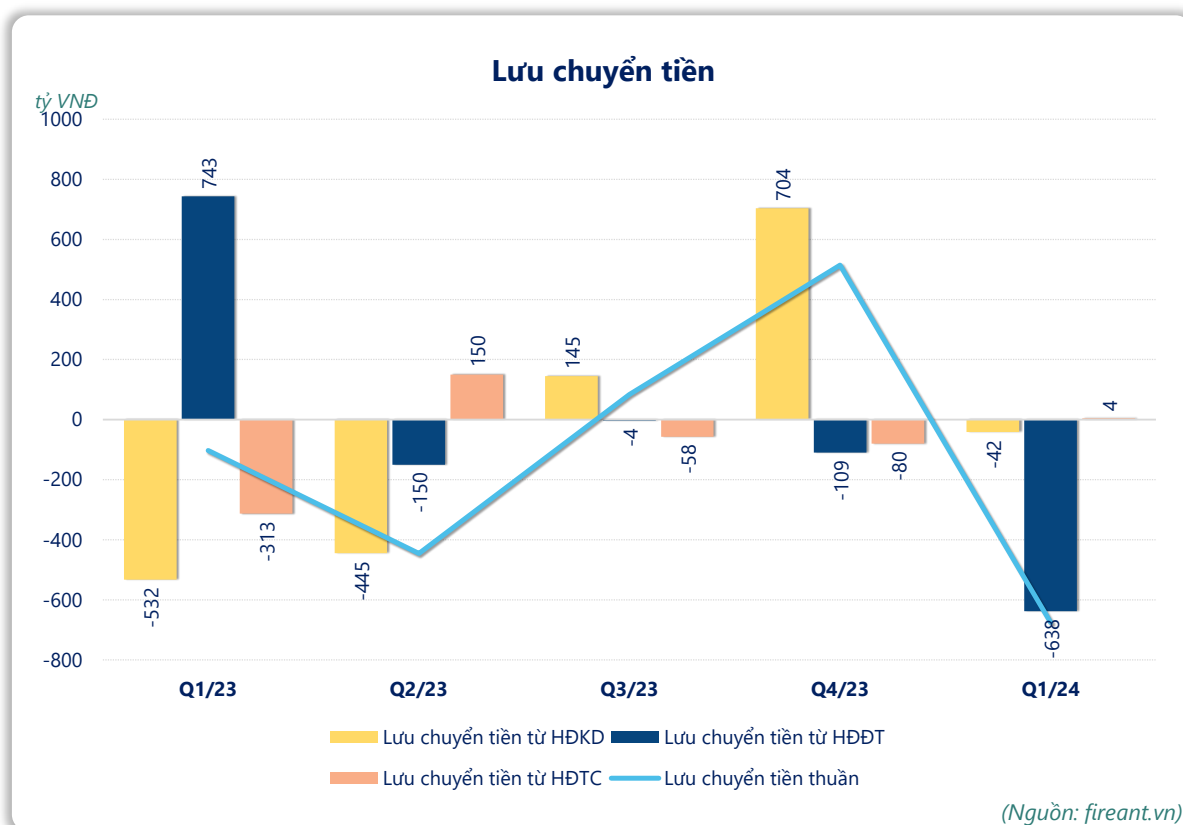
EPS



(Nguồn: fireant.vn)

| KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ) | Q1/24 | Q1/23 | Thay đổi YoY | 2023 | 2022 | Thay đổi YoY |
|--------------------------------|--------------|--------------|-----------------|--------------|--------------|-----------------|
| Doanh thu thuần | 1,313 | 189 | 595% | 3,891 | 6,189 | -37.1% |
| Giá vốn hàng bán | 872 | 145 | 501% | 2,914 | 5,141 | -43.3% |
| Lợi nhuận gộp | 441 | 44.2 | 898% | 977 | 1,047 | -6.7% |
| Doanh thu HĐTC | 108 | 98.1 | 10.3% | 371 | 322 | 15.3% |
| Chi phí TC | 76.1 | 57.8 | 31.7% | 204 | 321 | -36.5% |
| Chi phí lãi vay | 33.6 | 30.8 | 9.1% | 119 | 160 | -25.5% |
| LN trong công ty LKLD | 0 | -23.2 | 100% | -71.6 | -68.3 | -4.8% |
| Chi phí bán hàng | 143 | 21.9 | 551% | 510 | 667 | -23.5% |
| Chi phí QLDN | 26.5 | 14.6 | 81.7% | 60.7 | 105 | -42.0% |
| LN thuần từ HĐKD | 304 | 24.8 | 1126% | 501 | 208 | 141% |
| Lợi nhuận khác | 4.08 | 10.9 | -62.6% | 80.6 | 11.0 | 632% |
| LN trước thuế | 308 | 35.7 | 763% | 582 | 219 | 166% |
| Lợi nhuận sau thuế | 214 | 12.3 | 1641% | 460 | 96.6 | 377% |
| LNST của CĐ cty mẹ | 200 | 4.62 | 4235% | 175 | 19.0 | 825% |

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)